

Số: /KH-UBND

Nam Đàn, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Nam Đàn năm 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;
- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;
- Công văn số 5511/BKH&CN-CDSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;
- Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch hành động số 328-KH/TU, ngày 24/04/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 28/4/2025 của BTV Tỉnh ủy về tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2025-2030;

- Kế hoạch 348/KH-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động 328-KH/TU thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030;

Ủy Ban Nhân dân xã Nam Đàn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã. Góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 05/08/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch 586/KH-UBND ngày 22/08/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ then chốt, triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, nhanh và lộ trình phù hợp với nguồn lực, điều kiện cụ thể; xây dựng các nhiệm vụ cụ thể đưa vào kế hoạch hoạt động hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Chủ động rà soát các đề án, kế hoạch, dự án về chuyển đổi số bảo đảm đồng bộ và khả thi về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu "rõ việc, rõ người chịu trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ nguồn lực".

- Kien toàn bộ máy với yêu cầu người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện chuyển đổi số trong công tác tổ chức triển khai và kết quả thực hiện của cơ quan, đơn

vị.

- Các cơ quan trong hệ thống chính trị phải bố trí ít nhất một cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu tham mưu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị.

- Đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số là thước đo về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua hàng năm.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện thường xuyên để kịp thời phát hiện và giải quyết khó khăn, vướng mắc.

2. Thể chế số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực hiện các chương trình, kế hoạch của Trung ương và của UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

- Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành) được giao chủ trì triển khai để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu

3. Hạ tầng số

3.1. Hạ tầng viễn thông và internet

a) Hạ tầng di động:

Hoàn thành rà soát các vùng lõm sóng thông tin di động, chất lượng dịch vụ chưa bảo đảm.

Phối hợp thực hiện Chương trình viễn thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông vùng viễn thông công ích nhằm đẩy nhanh tiến độ phủ sóng.

b) Hạ tầng cố định

Thúc đẩy phát triển và sử dụng internet cáp quang băng rộng; phối hợp nâng băng thông mạng bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ internet cáp quang băng thông đến 01 Gbps.

Hoàn thành xây dựng và triển khai kế hoạch chỉnh trang mạng cáp viễn thông bảo đảm thẩm mỹ.

3.2. Hạ tầng số cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Nhà nước bảo đảm kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị.

b) Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng, máy tính đồng bộ nội bộ:

- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ (mạng LAN, thiết bị ngoại vi, thiết bị IoT, thiết bị bảo mật, cơ sở vật chất CNTT/chuyển đổi số phục vụ nghiệp vụ...) các cơ

quan nhà nước; bảo đảm kết nối an toàn, đúng quy định.

- Mua sắm mới trang thiết bị máy tính cấp cho cán bộ chuyên môn làm việc, đảm bảo mỗi cán bộ được sử dụng 01 bộ máy tính cài đặt phần mềm bản quyền (máy tính đang còn khấu hao giá trị tài sản theo quy định của nhà nước hiện hành) kết nối internet tốc độ cao, đảm bảo hệ thống mạng máy tính đồng bộ phục vụ tốt hoạt động ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng hạ tầng ICT cấp xã đáp ứng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số gồm: Mạng nội bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống wifi công cộng, hệ thống Internet vạn vật, hệ thống bảng điện tử công cộng, hệ thống camera an ninh, hệ thống truyền thanh thông minh và hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến.

3.3. Hạ tầng tiện ích số

Phát triển, ứng dụng hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số, xác thực số, thanh toán số, hóa đơn số, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, xác thực văn bản số, chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cài đặt và sử dụng các tiện ích số do nhà nước phát triển, như VNeID, E-Tax Mobile, phần mềm hóa đơn điện tử... Cán bộ, công chức, viên chức tiên phong, gương mẫu trong sử dụng các nền tảng số do nhà nước phát triển.

Thường xuyên nâng cao kỹ năng và sử dụng an toàn các nền tảng số do tổ chức, cá nhân trong nước phát triển và các nền tảng số xuyên biên giới.

4. Nhân lực số

- Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức trong toàn bộ hệ thống chính trị được cập nhật kiến thức chuyển đổi số thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn, hướng dẫn (trực tiếp hoặc trực tuyến); đối với vị trí việc làm về công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị phải tham gia ít nhất một khóa đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào bình dân học vụ số, nhất là ở cấp xã đối với các đối tượng người dân. Yêu cầu 100% cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị phải tham gia và hoàn thành các bài học có liên quan đến chuyển đổi số trên nền tảng <https://binhdanhocvuso.gov.vn>.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu địa phương về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tổ chức cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Các trường học cấp bậc phổ thông đưa vào giảng dạy các chương trình tin học, STEM/STEAM với thời lượng phù hợp, đặt nền móng về kiến thức và định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh.

5. Phát triển dữ liệu số

Kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo kế hoạch giai đoạn và hàng năm

về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn.

Thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện:

- Rà soát toàn diện hiện trạng xây dựng, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tất cả các lĩnh vực và đề xuất xây dựng, cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu, bảo đảm đồng bộ về cấu trúc, tiêu chuẩn, trường thông tin, phục vụ kết nối liên thông trong toàn bộ hệ thống chính trị, xây dựng Chính phủ số, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Hoàn thiện, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, thống nhất theo hướng dẫn của Trung ương; ưu tiên số hóa, hoàn thiện các bộ dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, phù hợp với kiến trúc dữ liệu của các bộ, ngành theo lộ trình xây dựng, triển khai của từng cơ sở dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

6.1. Về an toàn thông tin

a) Đối với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước

Đối với các hệ thống thông tin đang vận hành, yêu cầu tổ chức rà soát hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung hồ sơ cấp độ an toàn thông tin theo quy định; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

Đối với các hệ thống thông tin đang xây dựng, yêu cầu thực hiện xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin theo các văn bản hướng dẫn. Triển khai đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trước khi đưa hệ thống vào vận hành.

b) Đối với các hệ thống thông tin, tiện ích số phục vụ doanh nghiệp và người dân
Xây dựng các bộ tài liệu, ấn phẩm truyền thông dễ đọc, dễ hiểu, dễ áp dụng để truyền thông trực tiếp, trực tuyến cho doanh nghiệp, người dân.

Tổ chức giới thiệu các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin đã được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và khuyến khích, khuyến cáo người dân, doanh nghiệp sử dụng.

6.2. Về an ninh mạng

Phát hiện nguy cơ và cung cấp các giải pháp bảo đảm an ninh mạng; phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, phá hoại hệ thống thông tin, lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền thông tin xấu độc. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm sử dụng công nghệ cao như “tín dụng đen”, lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao. Triển khai cơ chế hợp tác xuyên biên giới về phòng, chống tội phạm trên không gian mạng.

7. Chính phủ số

Chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính: Triển khai đúng tiến độ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Tăng cường xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, bảo đảm

100% cán bộ, công chức sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung để tác nghiệp, xử lý công việc đạt các chỉ tiêu được giao theo từng hệ thống, trọng tâm là các hệ thống thông tin: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Chứng thư số, chữ ký số công vụ; Cổng thông tin điện tử; Hệ thống giao ban trực tuyến và các nền tảng, hệ thống thông tin ngành dọc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cơ quan nhà nước: Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các bộ thủ tục hành chính.

Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp xã.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1 Phát triển kinh tế số

Triển khai Luật giao dịch điện tử để việc giao dịch giao dịch điện tử mang lại nhiều lợi ích hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn.

Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chương trình hỗ trợ các cơ sở bán lẻ, các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

8.2 Xã hội số

Triển khai các mô hình xây dựng công dân số theo Đề án 06 của Chính phủ phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế số - xã hội số quốc gia, trong đó bao gồm cung cấp định danh điện tử, tài khoản định danh điện tử cho công dân sử dụng các dịch vụ, tiện ích số. Xây dựng văn hóa số trên cơ sở triển khai hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử trên môi trường số.

Triển khai hiệu quả chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng số cho người dân.

Thúc đẩy hiện diện số an toàn trên môi trường số nhằm tạo lập và duy trì danh tính số an toàn, bao gồm việc bảo vệ thông tin cá nhân, sử dụng thiết bị và nền tảng số an toàn, khả năng tự bảo vệ mình trên không gian mạng.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số.

Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đa dạng hóa hình thức truyền thông thông qua các lễ phát động, cuộc thi, chương trình chuyên biệt, chuyên đề, bài viết, bản tin, sổ tay... trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng số, mạng xã hội.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Kiến toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo. Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch triển khai bảo đảm “rõ nhiệm vụ, rõ người chịu

trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ nguồn lực”.

Nâng cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu để dẫn dắt thực hiện thành công các mục tiêu chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, để tuyên truyền rộng rãi các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

3. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số,...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước cấp xã đảm bảo cho hoạt động chuyển đổi số của xã; lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án (nếu có), huy động nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác

2. Phân công trách nhiệm

2.1. Ban Chỉ đạo xã

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, chỉ đạo các phòng, ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch này;

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, phát triển

kinh tế số hướng tới xã hội số; Trọng tâm là thực hiện đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025.

- Định kỳ tổ chức họp BCD phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên, triển khai các nội dung trọng tâm hàng tháng, tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã và các sở ngành liên quan theo yêu cầu.

- Chỉ đạo rà soát dữ liệu mở trên địa bàn theo Quyết định 4086/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An.

2.2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu của UBND tỉnh, của xã về chuyển đổi số, Cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã, Ban chỉ đạo xã ban hành các văn bản chỉ đạo để thực hiện lộ trình chuyển đổi số; chủ trì, phối hợp với các phòng ban, cơ quan liên quan triển khai thực hiện kế hoạch một cách kịp thời, hiệu quả.

- Tham mưu cho UBND xã việc thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình, nội dung về chuyển đổi số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh triển khai phủ sóng mạng 5G và mạng cáp quang đến 100% địa bàn dân cư trong toàn xã. Đồng thời tuyên truyền triển khai chữ ký số cho người dân phục vụ giải quyết TTHC theo đúng quy định.

- Đôn đốc thực hiện ứng dụng CNTT trong các phòng, ngành, cơ quan đơn vị trên địa bàn, thực hiện chữ ký số chuyên dùng của chính phủ; nâng cao chất lượng hoạt động cổng thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ...

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tập huấn, hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp xóm kiến thức về công nghệ thông tin, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, khả năng tuyên truyền, phát huy vai trò và nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông chuyển đổi số hiệu quả bằng nhiều hình thức sống động thu hút; hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân tự học, tự nghiên cứu các dịch vụ chuyển đổi số bằng nền tảng học trực tuyến miễn phí trên nền tảng Onetouch.

- Tham mưu tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trong năm. Chủ động cung cấp thông tin về đánh giá, phân loại kết quả thực hiện chuyển đổi số của cán bộ công chức, viên chức, các phòng, ban, ngành cho Phòng Văn

hóa - Xã hội để làm căn cứ trong việc đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng hằng năm theo quy định.

- Chỉ đạo hướng dẫn hoạt động tổ công nghệ số cộng đồng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ, thay đổi cách thức hoạt động phong phú, tiếp cận sát hơn với người dân trên địa bàn.

- Hướng dẫn công tác khai thác và vận hành tốt các hệ thống thông tin: hệ thống quản lý văn bản điều hành, hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, và hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến...

- Chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế và các phòng, ban liên quan tổng hợp, lập dự toán kinh phí trong lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số trình UBND xã, Chủ tịch UBND xã xem xét, phê duyệt;

- Tham mưu đưa tiêu chí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số làm một trong những tiêu chí chính trong đánh giá xếp loại thi đua đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

2.3. Văn phòng HĐND-UBND xã

- Tham mưu UBND xã trong việc xây dựng hoàn thiện các quy trình, quy chế về quản lý, vận hành, sử dụng các phần mềm về chính quyền điện tử, VNPT-iOffice hay các phần mềm dùng chung khác liên quan.

- Tăng cường công tác chỉ đạo nhằm khai thác và vận hành tốt các hệ thống thông tin: hệ thống quản lý văn bản điều hành, hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến...

- Phối hợp, hỗ trợ các phòng ngành số hóa hồ sơ dữ liệu chuyên ngành trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền UBND xã.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng mạng Lan bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan UBND xã

2.4. Trung tâm phục vụ hành chính công: Tiếp tục đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và hệ thống tin một cửa điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn; triển khai các giải pháp thực hiện nhằm tăng số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính qua mạng. Chủ động phối hợp với các đơn vị Viễn thông để triển khai chữ ký số cho người dân khi nộp hồ sơ trực tuyến đảm bảo đúng quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. Tăng cường chỉ đạo bộ phận một cửa số hóa hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

2.5. Phòng Kinh tế

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện tốt việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; chủ trì phối hợp với phòng, ngành liên quan đề xuất các chính sách để các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn phát triển khoa học công nghệ phục vụ cho chuyển đổi số.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan, doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng các giải pháp, sáng kiến, đề tài khoa học lĩnh vực CNTT nói chung và chuyển đổi số nói riêng

- Trên cơ sở đề xuất của Ban chỉ đạo xã, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND-UBND xã tham mưu Chủ tịch UBND xã bố trí ngân sách cho các chương trình về ứng dụng CNTT, kinh phí cho các nhiệm vụ về chuyển đổi số;

- Chỉ đạo các phòng, ngành triển khai thực hiện tăng cường ứng dụng các dịch vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực phụ trách, thực hiện giao dịch không dùng tiền mặt, làm tốt công tác quản lý nhà nước tham mưu các giải pháp phát triển kinh tế số - xã hội số trên địa bàn.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện tốt việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP;

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan, doanh nghiệp thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng các giải pháp, sáng kiến, đề tài khoa học lĩnh vực CNTT nói chung và chuyển đổi số nói riêng.

- Chỉ đạo các cơ sở có sản phẩm OCOP tăng cường ứng dụng số trong sản xuất kinh doanh, sử dụng các sàn thương mại điện tử, website để quảng bá sản phẩm.

2.6. Các phòng ban, ngành, đơn vị, trường học, trạm y tế

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức triển khai kế hoạch tại cơ quan, đơn vị mình và lĩnh vực phòng ngành phụ trách một cách nghiêm túc, có hiệu quả; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của ngành lĩnh vực phụ trách.

- Tham mưu UBND xã, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số các biện pháp, giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ tại phòng ban, đơn vị mình;

- Hằng năm hướng dẫn, chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch, chương trình chuyển đổi số của phòng, ban, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách trên cơ sở kế hoạch của xã, lập dự trù kinh phí về hoạt động CNTT trình Ban chỉ đạo xã tổng hợp.

- Tham mưu xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chuyên môn, quản lý sử dụng đảm bảo an toàn thông tin của hệ thống theo đúng quy định.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã.

2.7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các Tổ chức chính trị xã hội xã

- Chỉ đạo các đoàn thể chính trị xã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên mình tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn theo Nghị Quyết số 39/NQ-MTTQ-ĐĐ ngày 05/7/2022, Chương trình hành động số 85/CTr-MTTQ ngày 24/7/2022 của Ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số trong công tác Mặt trận đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tầng lớp Nhân dân biết cách sử dụng mạng xã hội; các dịch vụ thanh toán điện tử, chính quyền điện tử, đô thị thông minh, hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân, ...

- Chỉ đạo các đoàn viên phát huy vai trò trách nhiệm thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt sử dụng các dịch vụ số trên tất cả các lĩnh vực.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã Nam Đàn, yêu cầu các phòng, ngành, các đơn vị liên quan và đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các Tổ chức chính trị xã hội xã thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND xã (*qua phòng Văn hóa - Xã hội*) để tổng hợp, tham mưu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực: ĐU, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị xã hội;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Thành viên BCD;
- Bí thư, Xóm trưởng các xóm;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Duy Phúc

PHỤ LỤC 01

Danh mục các Chỉ tiêu, mục tiêu Chuyển đổi số xã Nam Đàn năm 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Nam Đàn)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026	Đơn vị chủ trì tham mưu
I	Hạ tầng số		
1	Có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông kết nối với hệ thống thông tin nguồn, phủ sóng đến 100% xóm	Hoàn thành	Phòng VHXXH
2	Có Bảng điện tử công cộng đáp ứng yêu cầu kết nối đến Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	Hoàn thành	Phòng VHXXH
3	Triển khai ít nhất một hạng mục hạ tầng số (hạ tầng vật lý - số, khuyến khích tích hợp AI) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự (Camera giám sát, chiếu sáng, nông nghiệp, du lịch, môi trường...)	Hoàn thành	Phòng Kinh tế
4	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đảm bảo cơ sở vật chất, hạ tầng, đường truyền theo quy định	Hoàn thành	Trung tâm PVHCC
5	Nhận thức số, nhân lực số		
6	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức các đơn vị (cấp xã) xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc.	100%	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
7	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị xây dựng kế hoạch hoặc đưa nhiệm vụ chuyển số vào nghị quyết, kế hoạch thực hiện hàng năm	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và nắm rõ kiến thức, kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số và an toàn thông tin	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập trên các nền tảng số trực tuyến trên nền tảng Bình dân học vụ số	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị

	hoặc các nền tảng số khác (hoàn thành và được nền tảng số xác nhận)		
10	Tỷ lệ ban cán sự xóm, tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ chức khác ở cấp xã được tập huấn, hướng dẫn, phổ biến kỹ năng số cơ bản và an toàn thông tin	100%	Phòng Văn hóa Xã hội
11	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục, đào tạo đưa tin học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào chương trình chính thức.	100%	Các cơ sở giáo dục, đào tạo, phòng VHXXH
12	Xây dựng Chính phủ số, Chính quyền số, chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính		
13	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất tất cả các hệ thống thông tin các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương	100%	Trung tâm PVHCC
14	Cán bộ, công chức, viên chức theo phân công làm chủ các hệ thống thông tin, kỹ năng số trong quản lý, điều hành	80%	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
15	Tỷ lệ các tổ chức, cá nhân thuộc diện được cấp chữ ký số chuyên dùng, chữ ký số công vụ được trang bị kịp thời phục vụ công việc	100%	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị
16	Tỷ lệ cán bộ, công chức có tài khoản và sử dụng hộp thư công vụ của tỉnh ".nghean.gov.vn"	100%	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
17	Đơn giản hoá thủ tục hành chính nhằm cắt giảm 40% thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính	40%	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
18	Thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch các quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; khai thác, sử dụng lại các thông tin, dữ liệu đã số hóa để giảm tối đa giấy tờ	100%	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
19	Tỷ lệ thủ tục hành chính được rà soát, tái cấu trúc quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp trên môi trường điện tử trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa, sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	100%	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.

20	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	95%	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
21	Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo hướng 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh	Hoàn thành	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
22	100% phương án về phân cấp, ủy quyền thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính	Hoàn thành	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
23	Công bố, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Hoàn thành	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
24	Hoàn thành phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước	Hoàn thành	Trung tâm PVHCC, Các phòng, ban, ngành.
25	Tỷ lệ hồ sơ nộp và giải quyết trực tuyến của tổ chức, cá nhân.	80%	Trung tâm PVHCC
26	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	95%	Trung tâm PVHCC
27	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hoá trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	90%	Trung tâm PVHCC
28	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	90%	Trung tâm PVHCC
29	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
30	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	$\geq 80\%$	Trung tâm phục vụ HCC
31	Chỉ số chuyển đổi số cấp xã	Thứ 20-30	Phòng VHXH
32	An toàn thông tin		
33	Nâng cấp hệ thống mạng LAN nội bộ cơ quan HĐND-UBND xã.	Hoàn thành	Văn phòng HĐND-UBND xã

34	Lập hồ sơ phê duyệt cấp độ An toàn thông tin cho hệ thống mạng LAN nội bộ cơ quan HĐND-UBND xã	100%	Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng VHXXH
35	Kinh tế số và xã hội số		
36	Tỷ lệ công dân đủ điều kiện được cấp thẻ Căn cước (Nhiệm vụ Đề án 06)	100%	Công an xã
37	Triển khai các tiện ích tích hợp trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID) để hình thành hệ sinh thái cung cấp dịch vụ công, dịch vụ thương mại điện tử, nền tảng thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và thay thế các loại giấy tờ của công dân trong các giao dịch điện tử (Nhiệm vụ Đề án 06).	Hoàn thành	Công an xã
38	Thanh toán, chi trả không dùng tiền mặt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như y tế, giáo dục, bảo hiểm, chi trả an sinh xã hội, ngân hàng...);	50-80%	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
39	Bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ số cho 100% dân số trưởng thành: Chăm sóc sức khỏe từ xa; Học tập trực tuyến; Giao dịch tài chính; Thương mại điện tử...	80%	Trạm y tế, Các trường học; HTX, Quỹ tín dụng, ngân hàng
40	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được đánh giá mức độ chuyển đổi số trực tuyến hoặc trực tiếp hàng năm	$\geq 15\%$	Phòng Kinh tế
41	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) (Nhiệm vụ Đề án 06)	100%	Công an xã
42	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	80%	Ngân hàng, Quỹ tín dụng, HTX
43	Tỷ lệ người dân có số sức khỏe điện tử	95%	Các Trạm y tế xã

